

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN**

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày.....của Hiệu trưởng trường
Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình: KẾ TOÁN

Ngành đào tạo: KẾ TOÁN

Tên tiếng Anh: ACCOUNTING

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Mã số: 52340301

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUI

Tp. Hồ Chí Minh, 2018

CHƯƠNG TRÌNH GIỚI THIỆU ĐẠI HỌC

Tên chương trình : KẾ TOÁN
Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo: KẾ TOÁN (Accounting)
Mã ngành: 52340301
Hình thức đào tạo: Chính quy
(Ban hành theo Quyết định số: ngày tháng năm 201... của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh)

- 1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** 4 năm
- 2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)
- 3. THANG ĐIỂM, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**
 - **Thang điểm:** 10
 - **Quy trình tốt nghiệp:** theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo)
 - **Điều kiện tốt nghiệp:**

Điều kiện chung: Theo qui chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

Mục đích (Goals)

Đào tạo cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán có kiến thức kinh tế cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên ngành về kế toán - tài chính, có khả năng phân tích, đánh giá các nghiệp vụ kinh tế, hạch toán kế toán, ứng dụng các phần mềm kế toán và tổ chức bộ máy kế toán cho doanh nghiệp, kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh; kỹ năng làm việc nhóm và quản lý nhóm hiệu quả; phong cách làm việc chuyên nghiệp, có đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp và xã hội.

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán có thể đảm nhiệm công việc kế toán hoặc làm việc tại các phòng kinh doanh, phòng tín dụng, phòng tài chính trong tất cả các loại hình công ty kinh doanh ở các lĩnh vực và vị trí nhân viên hoặc quản lý hoặc có thể làm trợ lý kế toán tại các công ty kế toán.

Mục tiêu (Objectives)

1. Trang bị kiến thức nền tảng về khoa học cơ bản, công nghệ thông tin, khoa học kinh tế và quản trị.
2. Phát triển năng lực khám phá tri thức, giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh, tư duy hệ thống, cách nhìn, hình thành phẩm chất con người và nghề nghiệp.
3. Trở thành công dân toàn cầu, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả
4. Phát triển kỹ năng hình thành tư tưởng, giải quyết và thiết kế các đề án thuộc kế toán tài chính.

Chuẩn đầu ra của sinh viên tốt nghiệp Kế toán g:

Chuẩn đầu ra (Program outcomes)

Kiểm hi	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	KIẾN THỨC NỀN TẢNG TRONG NGÀNH KẾ TOÁN	
1.1.	Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội và công nghệ để giải quyết các vấn đề kinh tế.	4
1.2.	Vận dụng kiến thức tổng quan về kế toán - tài chính để khai thác các nguồn lực trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.	4
1.3.	Áp dụng kiến thức chuyên sâu về kế toán - tài chính như kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán, thuế, tài chính, ngân hàng để giải quyết các vấn đề sản xuất kinh doanh.	4
2.	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ THÁI ĐỘ NGHỀ NGHIỆP	
2.1.	Lập luận phân tích và giải quyết các vấn đề về sản xuất kinh doanh.	4
2.2.	Thử nghiệm và khai thác thông tin từ các nguồn khác nhau để đưa ra các giải pháp trong sản xuất kinh doanh.	4
2.3.	Hệ thống hóa các tri thức trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế	4
2.4.	Thiết lập mục tiêu nghề nghiệp, xây dựng kế hoạch hành động, hội nhập quốc tế.	4
2.5.	Giải quyết các vấn đề theo đạo đức nghề nghiệp.	4

3.	KĨ NĂNG TƯƠNG TÁC	
3.1.	Tổ chức và làm việc hiệu quả với nhóm đa tính cách	4
3.2.	Giao tiếp chuyên nghiệp dưới nhiều hình thức.	3
3.3.	Giao tiếp bằng ngoại ngữ (Toeic 500 và các chứng chỉ tương đương)	4
4.	PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG HÌNH THÀNH TỔNG, GIẢI QUYẾT VÀ THIẾT KẾ CÁC DỰ ÁN THUỘC KTTC	
4.1.	Nhận thức được tầm quan trọng của bối cảnh xã hội đối với hoạt động kinh doanh và thể hiện trách nhiệm của người cử nhân lập trình nghiệp đối với xã hội.	3
4.2.	Nhận diện và thích nghi với sự khác biệt của môi trường làm việc khác nhau.	3
4.3.	Hình thành tư tưởng, các yêu cầu đối tượng chức năng hoạt động trong doanh nghiệp.	4
4.4.	Thiết kế các dự án KTTC	5
4.5.	Ứng dụng CNTT trong công tác kế toán tài chính.	4
4.6.	Vận dụng các công cụ quản lý để giải quyết hiệu quả các tình huống kinh tế phát sinh đối với doanh nghiệp	4
4.7.	Hình thành tư tưởng khởi nghiệp	5

Thang trình trình lập

Trình trình lập		Một
0.0 < TĐNL < 1.0	Cơ bản	Nh: Sinh viên ghi nhận/ nhận ra/ nhắc lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,...
1.0 < TĐNL < 2.0	Đạt yêu cầu	Hi: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận, ...

2.0 < TĐNL ≤ 3.0		Áp dụng: Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, sản phẩm công nghệ, bài báo, ...
3.0 < TĐNL ≤ 4.0	Thành thạo	Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/ kiến thức thành các chi tiết/ bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng trong những các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp, ...
4.0 < TĐNL ≤ 5.0		Đánh giá SV đưa ra được nhận định, đánh giá và kiến thức/ thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phân biện, đánh giá, ...
5.0 < TĐNL ≤ 6.0	Xuất sắc	Sáng tạo: SV kiến tạo/ sắp xếp/ tổ chức/ thiết kế/ khai thác các chi tiết/ bộ phận theo cách khác/ mới để tạo ra cấu trúc/ mô hình/ sản phẩm mới.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOA (tính bằng tín chỉ)

- 125 Tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDTC và GDQP-AN)

6. Phân bố khối lượng các kỹ năng

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
KIẾN THỨC GIỚI DẠO ĐẠI CƯƠNG		40
A. Kỹ năng thực tiễn		24
I. Lý luận chính trị + Pháp luật		12
1	Các NL cơ bản của CN Mác-Lênin	5
2	Đường lối CM của ĐCSVN	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	Pháp luật đại cương	2
II. Toán học và KHTN		9
4	Toán kinh tế 1	3
5	Toán kinh tế 2	3
6	Xác suất thống kê ứng dụng	3
III. Ngoại ngữ		3 (2+1)
B. Kỹ năng thực tiễn		16
IV. Tin học		
1	Tin học văn phòng	2(1+1)
V. Khoa học xã hội nhân văn (theo danh mục)		2
VI. Khoa học kỹ thuật		
VII. Các ngành và chuyên ngành		14
C. Kỹ năng thực GDTC + GDQP		

VIII. Giáo dục thể chất		
1	Giáo dục thể chất 1	1
2	Giáo dục thể chất 2	1
3	Tự chọn <i>Giáo dục thể chất 3</i>	3
IX. Giáo dục quốc phòng		165 tiết
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP		85
Cơ sở ngành và ngành		71
Cơ sở ngành		
Chuyên ngành		
Thí nghiệm, thực tập, thực hành		4
Trong đó, thực tập tốt nghiệp		4
Khóa luận tốt nghiệp		6

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần bắt buộc)

A. Phần bắt buộc

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trỏ c, MH tiến quy
1.	LLCT150105	Những nguyên lý cơ bản CN Mác-Lênin	5	
2.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
3.	LLCT230214	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	3	
4.	INAC130107	Nhập môn ngành Kế toán	3 (2+1)	
5.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
6.	RMET230306	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2(1+1)	
7.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	
8.	MATH130801	Toán kinh tế 1	3	
9.	MATH130901	Toán kinh tế 2	3	MATH130801
10.	MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3	
11.	MIOF130207	Tin học văn phòng	3 (2+1)	
12.	APCM220307	Tin học ứng dụng	2 (1+1)	MIOF130207
13.	ECON240206	Kinh tế học	4	
14.		Tự chọn đại cương		
15.	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	
16.	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	
17.	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	3	
18.	-	Giáo dục quốc phòng	165 tiết	
Tổng			40	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành và ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trỏ c, MH tiến quy
1	BULA230906	Luật kinh tế	3	GELA220405

2	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	MATH130801 MATH130901
3	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	
4	MAMA331706	Quản trị Marketing	3	
5	DANA230606	Phân tích dữ liệu	3(2+1)	RMET230306
Cộng			15	

7.2.2 Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thực nghiệm)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn MH trợ, MH tiên quyết
1	TAPO330407	Chính sách Thuế	2+1	
2	PRAC410607	Chuyên đề thực hành (Kiến tập)	2	
3	PROJ422007	Đồ án môn học	2	
4	COAC331607	Kế toán chi phí	3	FIAC330207
5	MAAC430507	Kế toán quản trị	3	COAC331607
6	ADMA421907	Kế toán quản trị nâng cao	2	MAAC430507
7	FIAC330207	Kế toán tài chính 1	3	PRAC230407
8	FIAC340907	Kế toán tài chính 2	3	PRAC230407
9	FIAC430807	Lập báo cáo tài chính	2+1	FIAC330207
10	ADFA431807	Kế toán tài chính nâng cao	3	FIAC340907
11	AUDI430207	Kiểm toán 1	3	FIAC330207
12	ADAU430907	Kiểm toán 2	3	AUDI430207
13	ACSO430407	Phân tích kế toán	2+1	FIAC340907
14	BUAN331107	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	FIAC330207
15	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3	
16	COFI330307	Tài chính doanh nghiệp 1	3	
17	ADCF430307	Tài chính doanh nghiệp 2	3	COFI330307
Cộng			48	

7.2.3. Thực nghiệm

STT	Môn môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn MH trợ, MH tiên quyết
1.	INTE441007	Thực tập tốt nghiệp	4	Đạt kỳ thi kiểm tra năng lực Qualified exam
2.	GRAT462107	Khóa luận tốt nghiệp	6	
Tổng			10	

B. Phần thực hành:

1. Kiến thức giao dịch cơ bản: (Chọn 1 môn trong các môn: 02 tín chỉ)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	<i>BUSP221106</i>	<i>Tâm lý học kinh doanh</i>	2	
2	<i>BCOM320106</i>	<i>Giao tiếp trong KD</i>	2	
3	<i>PRSK320705</i>	<i>Kỹ năng thuyết trình</i>	2	

4	SYTH220491	Tư duy hệ thống	2	
---	------------	-----------------	---	--

2. Kiến thức giáo dục chuyên ngành

2.1 Trình độ kiến thức nền tảng (Nhóm A)

(Chọn 2 trong các môn: 04 Tín chỉ)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	ORBE320106	Hành vi tổ chức	2	
2	CUSM321006	Quản trị quan hệ KH	2	
3	ININ220107	Đầu tư quốc tế	2	
4	INBU220207	Kinh doanh quốc tế	2	
5	BCUL320506	Văn hóa doanh nghiệp	2	
6	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	2	
7	INPA421008	Thanh toán quốc tế	2	

2.2 Trình độ kiến thức nền tảng chuyên ngành (Nhóm B):

(Chọn 03 trong các môn: 08 Tín chỉ)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	SEMA430807	Thị trường chứng khoán	3	
2	COBA330507	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	
3	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3 (2+1)	
4	ACBU331507	Anh văn chuyên ngành kinh tế (Business English)	3	
5	APAC330607	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	
6	BAAC331407	Kế toán ngân hàng	3	
7	INAC331007	Kế toán Quốc tế	3	
8	REAC321307	Lập sổ sách kế toán trên Access	2 (1+1)	
9	REEX321207	Lập sổ sách kế toán trên Excel	2 (1+1)	

C Kiến thức liên ngành:

Sinh viên có thể chọn 6 tín chỉ liên ngành để thay thế cho các môn học chuyên ngành trong phần chọn:

- Xem danh sách các môn học được đề xuất trong phần Phụ lục, hoặc
- Sinh viên có thể chọn các môn học nằm ngoài danh sách được đề xuất trên tinh thần các môn học hỗ trợ hướng phát triển nghề nghiệp sau này. SV nên nhờ tư vấn thêm từ Ban tư vấn để có sự lựa chọn phù hợp.

D Các môn học MOOC (Massive Open Online Courses):

Nhằm tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến, SV có thể chọn các khóa học online được đề xuất trong bảng sau để xét tương đương với các môn học trong chương trình đào tạo:

STT	Môn học	Tên môn học	Số tín	Môn học được xét tương đương
-----	---------	-------------	--------	------------------------------

			ch	MOOC (đường link đăng ký)
1.	MIOF130207	Tin học văn phòng	3 (2+1)	Excel skills for business: Essentials https://www.coursera.org/specializations/excel
2.	MAMA31706	Quản trị marketing	3	Marketing https://www.icieducation.com/courses/business/marketing/
3.	MAAC430507	Kế toán quản trị	3	Accounting analytics: https://www.coursera.org/learn/accounting-analytics
Tổng			9	

8. Khoa học giáo dục

Học kỳ 1:

TT	M	Tên MH	S	M tr, MH tiến quy
1.	ECON240206	Kinh tế học	4	
2.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
3.	INAC130107	Nhập môn ngành Kế toán	3 (2+1)	
4.	LLCT150105	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN	5	Lịch theo Khoa LLCT c th học trong học kỳ h
5.	MATH130801	Toán kinh tế 1	3	
6.	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	0	
Tổng			17	

Học kỳ 2:

TT	M	Tên MH	S	M tr, MH tiến quy
1.	BULA230906	Luật kinh tế	3	GELA220405
2.	FUMA230806	Quản trị học cơ bản	3	
3.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Lịch theo Khoa LLCT c th học trong học kỳ h
4.	MATH130901	Toán kinh tế 2	3	
5.	MIOF130207	Tin học văn phòng	3 (2+1)	
6.	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	0	Lịch theo Khoa LLCT c th học trong học kỳ h
7.	RMET230306	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 (1+1)	
8.		Giáo dục quốc phòng	0	Lịch theo Khoa LLCT c th học trong học kỳ h
9.		Tự chọn đại cương	2	
Tổng			18	

Học kỳ 3:

TT	M□MH	T□n MH	S□TC	M□MH tr□□c, MH ti□n quy□t
1.	MAOP230706	Tối ưu h□a	3	MATH130801 MATH130901
2.	PRAC230407	Nguyên l□kế to□n	3	
3.	DANA230606	Phân tích d□liệu	3	RMET230306
4.	MATH130401	X□c su□t thống kê ứng d□ng	3	
5.	LLCT230214	Đường lối c□ch mạng của Đ□ng cộng s□n Việt Nam	3	Lịch theo Khoa LLCT c□th□học trong học k□h□
6.	PHED130715	Gi□o d□c th□ch□t 3	0	Lịch theo Khoa LLCT c□th□học trong học k□h□
7.		T□chọn cơ sở ngành (Nh□m A)	2	
T□ng			17	

H□c k□4:

TT	M□MH	T□n MH	S□TC	M□MH tr□□c, MH ti□n quy□t
1.	APCM220307	Tin học ứng d□ng	2	MIOF130207
2.	COFI330307	Tài chính doanh nghiệp 1	3	
3.	FIAC330207	Kế to□n tài chính 1	3	PRAC230407
4.	MAMA331206	Qu□n trị Marketing	3	
5.	TAPO330407	Chính s□ch Thuế	3	
6.		T□chọn cơ sở ngành (Nh□m A)	2	
7.	PRAC410607	Chuyên đ□th□c hành (Kiến tập)	2	Học k□h□
T□ng			18	

H□c k□5:

TT	M□MH	T□n MH	S□TC	M□MH tr□□c, MH ti□n quy□t
1.	COAC331607	Kế to□n chi phí	3	PRAC230407
2.	FIAC340907	Kế to□n tài chính 2	3	PRAC230407
3.	AUDI430207	Ki□m to□n 1	3	PRAC230407
4.	ADCF430307	Tài chính doanh nghiệp 2	3	COFI330307
		T□chọn chuyên ngành (nh□m B)	5	
5.	APAC330607	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	PRAC230407
6.	BAAC331407	Kế toán ngân hàng	3	PRAC230407
7.	INAC331007	Kế toán Quốc tế	3	PRAC230407
8.	REAC321307	Lập sổ sách kế toán trên Access	2	PRAC230407
9.	REEX321207	Lập sổ sách kế toán trên Excel	2	PRAC230407
T□ng			17	

H□c k□6:

TT	M□MH	T□n MH	S□TC	M□MH tr□□c, MH ti□n quy□t
1.	MAAC430507	Kế to□n qu□n trị	3	COAC331607
2.	ADAU430907	Ki□m to□n 2	3	AUDI430207
3.	ACSO430407	Ph□n m□m kế to□n	3 (2+1)	COFI330307
4.	BUAN331107	Ph□n tích hoạt động kinh doanh	3	FIAC330207
5.	PROJ422007	Đồ □n m□n học	2	Học k□h□
		T□ chọn chuyên ngành (nh□m B)	3	
6.	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3 (2+1)	
7.	ACBU331507	Anh văn chuyên ngành kinh tế (Business English)	3	
8.	SEMA430807	Thị trường chứng khoán	3	
9.	COBA330507	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	
T□ng			17	

H□c k□7:

TT	M□MH	T□n MH	S□TC	M□MH tr□□c, MH ti□n quy□t
1.	FIAC430807	Lập b□o c□o tài chính	2+1	FIAC330207
2.	FTMA430908	Qu□n trị ngoại thương	3	
3.	INTE441007	Th□c tập tốt nghiệp	4	Sinh viên n□m 4
T□ng			10	

H□c k□8:

TT	M□MH	T□n MH	S□TC	M□MH tr□□c, MH ti□n quy□t
1.	ADMA421907	Kế to□n qu□n trị nâng cao	2	MAAC430507
2.	ADFA431807	Kế to□n tài chính nâng cao	3	FIAC340907
3.	GRAT462107	Kh□a luận t□t nghiệp	6	Sinh viên n□m 4
T□ng			11	

9. M□t□v□n t□t n□i dung v□kh□i l□□ng c□c h□c ph□n

9.1. Nh□p m□n ng□nh k□to□n

S□TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (2,1, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học ph□n trang bị cho sinh viên c□c kiến thức cơ b□n nh□t v□ ngành học Kế to□n c□ng như c□c hi□u biết nh□t định v□Khoa và Nhà trường. Trang bị cho sinh viên một số phương ph□p học tập tại bậc đại học c□ng như 1 số kỹ n□ng c□n thiết cho học tập và làm việc sau này.

9.2 To□n kinh t□l

S□TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này bao gồm các kiến thức véc-tơ ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ R^n , dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế.

9.3 Toán kinh tế

S⁰TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Toán kinh tế 1
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này bao gồm các kiến thức véc-tơ phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến (tích bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), phương trình vi phân cấp 1 & 2. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế.

9.4 Xác suất thống kê ứng dụng

S⁰TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Toán kinh tế 1
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm: Biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan tuyến tính.

9.5 Pháp luật cơ bản

S⁰TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
 - *Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà Nước ban hành. Các quy định của pháp luật tác động đến tất cả mọi người, đến tất cả lãnh vực. Một trong những nhiệm vụ của công dân là sống và làm việc theo pháp luật. Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cơ bản như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của các ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

9.6 Thị trường

S⁰TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3,0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Toán kinh tế 1, Toán kinh tế 2
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phân trình bày giới thiệu thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phân ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau công thức lý thuyết ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính.

9.7 Phân tích pháp lý kinh tế

S⁰TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (1,1, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên cách tìm kiếm và đọc hiểu các bài báo khoa học và định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị và kinh tế. Sau khi kết thúc môn học sinh viên có thể viết một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh và mang tính khả thi khi triển khai thực hiện.

9.8 Phân tích dữ liệu

SĐTC:02

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học giúp sinh viên có thể triển khai một nghiên cứu có thể khi đã có đề cương nghiên cứu. Việc triển khai bao gồm việc đi thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo tổng kết lại kết quả nghiên cứu.

9.9. Nguyên lý kế toán

SĐTC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết Kế toán: các khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng, mục đích và yêu cầu kế toán, phương pháp kế toán, quy trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán, các quy trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, nội dung và các hình thức tài chức năng kế toán, lập và diễn dịch các báo cáo tài chính.

9.10. Quản trị học căn bản

SĐTC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị, nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị. Học phần cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như: quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sáng tạo, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

9.11. Luật kinh tế

SĐTC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức hữu ích về doanh nghiệp như vấn đề thành lập, hoạt động, tổ chức quản lý, giai đoạn phát triển của các loại hình doanh nghiệp, bản chất pháp lý của từng loại hình doanh nghiệp tư nhân, công ty, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các quy định pháp lý hiện hành về hợp đồng kinh tế ở Việt Nam như nội dung HĐKT và kết HĐKT thực hiện HĐKT các biện pháp thế chấp, cầm cố và bảo lãnh tài sản trong quan hệ HĐKT Xử lý vi phạm HĐKT Thanh lý, thay đổi và đình chỉ HĐKT HĐKT vô hiệu và xử lý HĐKT vô hiệu ở Việt Nam; các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại giữa các doanh nghiệp theo con đường tố tụng và trọng tài thương mại: trình tự, thủ tục giải quyết sơ thẩm, phúc thẩm một tranh chấp tại Tòa án,

t chức và hoạt động của trọng tài thương mại, trình t, thủ t c gi i quyết tranh ch p thương mại tại trọng tài thương mại, thi hành b n n, quyết định của t a n, trọng tài tại Việt Nam...

9.12 Qu n tr marketing

S TC:03

- *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Qu n trị marketing là m n học cung c p nh ng kiến thức cơ b n nh t v marketing, marketing là gì và qu trình tiến hành hoạt động marketing trong một đơn vị như thế nào. Qu trình marketing b t đ u b ng việc ph i hi u biết sâu s c m i trường marketing, nhu c u và u c muốn của người tiêu d ng, trên cơ sở đ o doanh nghiệp s x y d ng một chiến l u c marketing h u ng v kh ch hàng (customer-driven marketing strategy) nh m cung c p gi i trị v u t trội cho kh ch hàng. Đ o tri n khai chiến l u c marketing đã chọn, doanh nghiệp ph i c th h a chiến l u c marketing của mình thành một chương trình marketing liên h p (integrated marketing program) bao gồm c c yếu tố: chiến l u c ph i trị n s n ph m (Product strategy), chiến l u c định gi s n ph m (Price strategy), chiến l u c phân phối (Place strategy), chiến l u c truy n th ng/chiêu thị (Communication/Promotion strategy).

9.13. Tin h c v n ph ng

S TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập: 3(2, 1, 6)*
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học ph n trang bị c c kiến thức c n b n v tin học v n ph ng như: MS Word, MS Excel, Power Point... Ngoài ra học ph n c n trang bị cho sinh viên c c kiến thức tin học ứng d ng trong kinh tế: c c hàm thống kê, phân tích gi n đơn, mail merge, kỹ thuật trình bày b o c o trên p.point,...

9.14. K to n t i ch nh A1

S TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập: 3 (3,0,6)*
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung chủ yếu của học ph n là trang bị cho sinh viên c c kiến thức v t chức c ng t c kế to n tài chính trong c c loại hình doanh nghiệp; Nguyên t c và phương ph p kế to n đối v i c c đối tư ng kế to n thuộc hoạt động kinh doanh như tài s n, n ph i tr , vốn chủ sở h u, qua đ o lập b ng cân đối kế to n.

9.15. K to n t i ch nh A2

S TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập: 3 (3,0,6)*
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung chủ yếu của học ph n là trang bị cho sinh viên c c kiến thức v t chức c ng t c kế to n tài chính trong c c loại hình doanh nghiệp; Nguyên t c và phương ph p kế to n đối v i c c đối tư ng kế to n thuộc hoạt động s n xu t, tính gi th ành s n ph m; giao dịch ngoại tệ, x y d ng cơ b n; b t động s n đ u tư; đ u tư tài chính ng n hạn và dài hạn,...

9.16. Lập Báo cáo tài chính**SĐT: 03**

- Phân bố thời gian học tập: 3 (2,1, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung chủ yếu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng kế toán tài chính trong các loại hình doanh nghiệp; Nguyên tắc và phương pháp kế toán đối với các đối tượng kế toán thuộc hoạt động sản xuất, tính giá thành sản phẩm; giao dịch ngoại tệ, xây dựng cơ bản; biến động sản đầu tư; đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn,... Lập và trình bày Báo cáo tài chính nhằm cung cấp thông tin kinh tế, tài chính cho các đối tượng cần sử dụng thông tin của đơn vị kế toán để đưa ra các quyết định kinh tế.

9.17. Tài chính doanh nghiệp 1**SĐT: 03**

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề tài chính trong công ty cổ phần: khái niệm và những quyết định chủ yếu trong tài chính doanh nghiệp; ứng dụng phương pháp tính giá trị tiền tệ theo thời gian, phương pháp đo lường lợi nhuận và rủi ro, phương pháp định giá chứng khoán ... phục vụ cho việc phân tích và ra quyết định về tài chính cho doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho người học những kiến thức và công cụ phân tích và định giá nhằm đưa ra các quyết định đầu tư, một trong ba quyết định chủ yếu của tài chính doanh nghiệp.

9.18. Tài chính doanh nghiệp 2**SĐT: 03**

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề tài chính trong công ty cổ phần, bao gồm: quyết định đầu tư tài sản lưu động, quyết định nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, quyết định về chính sách tài chính của công ty, quyết định về nhập và đầu tư, quyết định về quản lý rủi ro tài chính ... phục vụ cho việc phân tích và ra quyết định về tài chính cho doanh nghiệp. Ngoài ra, để có thể phân tích và đưa ra các quyết định này một cách đúng đắn đòi hỏi người học cần phải kết hợp với các kiến thức đã học ở học phần Tài chính doanh nghiệp 1.

9.19. Chính sách thuế**SĐT: 03**

- Phân bố thời gian học tập: 3 (2,1, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp cho sinh viên hiểu được khái quát toàn bộ hệ thống thuế Việt nam hiện hành, đặc điểm, cơ cấu một số thuế, xu hướng cải cách thuế Việt nam và thế giới. Ngoài ra học phần còn đi sâu giới thiệu chi tiết một số thuế chủ yếu.

9.20. Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)**SĐT: 03**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2, 1, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm thứ 3
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này sinh viên củng cố kiến thức cơ bản và chức năng của ERP ứng dụng ERP trong thực tiễn như công việc theo dõi đơn hàng đơn giản, quản trị hàng tồn kho, sản xuất, chuỗi cung ứng cho đến quản trị tài chính (cổ phiếu và thuế) và quản trị nhân sự

9.21. Anh văn chuyên ngành kinh tế (Business English)

SĐTC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Cung cấp vốn tảng chuyên ngành kinh tế (kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng,..) cho các công việc đòi hỏi sử dụng tiếng Anh trong quá trình làm việc. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp cho người học những kỹ năng viết và nói và đọc hiểu được các nghiệp vụ trong lĩnh vực thương mại,...

9.22. Phần mềm kế toán

SĐTC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2,1, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giúp sinh viên nắm rõ công tác tổ chức kế toán trong doanh nghiệp và kỹ năng ứng dụng các phần mềm thực hiện công việc kế toán trong doanh nghiệp.

9.23. Kiểm toán 1

SĐTC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của kiểm toán, các loại kiểm toán, các khái niệm và quy trình cơ bản sử dụng trong việc chuẩn bị, thực hiện và hoàn thành một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, công tác công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán trong các loại hình kiểm toán khác nhau.

9.24. Kiểm toán 2

SĐTC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này tập trung vào việc áp dụng các hiểu biết căn bản đã được trình bày trong học phần Kiểm toán 1 vào việc thực hiện kiểm toán các khoản mục trên báo cáo tài chính, bao gồm việc vận dụng các chuẩn mực kiểm toán, tìm hiểu và định giá hệ thống kiểm soát nội bộ và thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp đối với các khoản mục trên báo cáo tài chính. Ngoài ra, học phần mở rộng trình bày các dịch vụ khác do doanh nghiệp kiểm toán cung cấp, cũng như hoạt động kiểm toán nội bộ và kiểm toán nhà nước.

9.25. Kế toán chi phí

SĐTC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)

- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cho thấy vai trò của nhà quản lý và của kế toán viên trong quản lý chi phí ở một tổ chức, và kế toán chi phí làm thế nào để giúp nhà quản lý trong việc hoạch định và kiểm soát chi phí. Thông tin do kế toán chi phí cung cấp phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị là chủ yếu, ngoài ra nó còn cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính. Nội dung của học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán chi phí, và phân loại chi phí, qui trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo 3 mô hình: kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo chi phí thực tế, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính và mô hình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí định mức.

9.26. Kế toán quản trị

SĐTC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và phương pháp của kế toán quản trị; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; lập dự toán; phân tích biến động chi phí; định giá trình nhiệm quản lý; định giá bản sản phẩm; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị; phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ

9.27. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

SĐTC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về nghiệp vụ ngân hàng thương mại như: Đại cương về ngân hàng thương mại; các nghiệp vụ huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ tài chính, các nghiệp vụ sinh lời khác; các công cụ thanh toán sử dụng trong các dịch vụ thanh toán của ngân hàng.

9.28. Thị trường chứng khoán

SĐTC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về thị trường chứng khoán như: Lý luận cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư; phân tích và đầu tư chứng khoán, thị trường trái phiếu quốc tế. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, các chủ thể tham gia trên thị trường. Tìm hiểu về các công cụ lưu thông trên thị trường chứng khoán. Nghiên cứu cơ chế hoạt động và giao dịch trên thị trường chứng khoán. Phân tích và định giá các loại chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu và các chứng khoán phái sinh.

9.29. Phân tích hoạt động kinh doanh

SĐTC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giúp sinh viên phân tích được quá trình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, tìm kiếm xu hướng biến động hợp lý để giảm thiểu rủi ro, kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh doanh bằng các phương pháp nghiên cứu riêng giúp sinh viên hiểu và định giá đúng kết quả sản xuất và khối lượng, chất lượng sản phẩm. Nhận biết nguyên nhân ảnh hưởng, phân tích biến động giá thành sản phẩm. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh và lợi nhuận. Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ngành của các số liệu trên các báo cáo, mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Định giá được tình hình biến động công nợ như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính.

9.30. Thanh toán quốc tế

SĐTC: 02

- Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 2)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường tệ thế giới, thị trường hối đoái, thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ trên thị trường hối đoái, cách phôi hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế và cách thực hiện các phương thức thanh toán trong các giao dịch thương mại, dịch vụ quốc tế.

9.31. Kế toán ngân hàng

SĐTC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về các nghiệp vụ kế toán trong lĩnh vực ngân hàng. Giúp sinh viên có điều kiện nắm lại toàn bộ các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng. Sinh viên biết hạch toán một số nghiệp vụ ngân hàng như: nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, thanh toán bằng đơn vị tiền mặt, tài sản cố định và công cụ lao động, kinh doanh ngoại tệ-vàng bạc-thanh toán quốc tế, kết quả kinh doanh. Nâng cao kỹ năng vận dụng lý thuyết và xử lý thực tế cho các sinh viên về các nghiệp vụ kế toán ngân hàng...

9.32. Kế toán quốc tế

SĐTC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp một số kiến thức cơ bản liên quan tới việc thực hiện hệ thống kế toán quốc tế hiện đại. Thông qua môn học này sẽ giúp cho người học có cơ sở đối chiếu hệ thống kế toán Việt Nam với hệ thống kế toán Mỹ nhằm rút ra những vấn đề cần học tập để phát triển kế toán Việt Nam đồng thời cần giúp sinh viên tiếp cận với Anh ngữ chuyên ngành.

9.33. Kế toán hình thành sản phẩm

SĐTC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về t^h chức c^ong t^h kế to^hn trong c^o đơn vị hành chính s^o nghiệp: Kế to^hn tài s^on cố định và chi phí xây d^ong cơ b^on; Kế to^hn c^o nghiệp v^o thanh to^hn; Kế to^hn nguồn kinh phí; Kế to^hn c^o kho^on thu, chi; Quyết to^hn kinh phí và hệ thống b^o c^o tài chính.

9.34. Tin h^oc c^ong d^ong

S^oTC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (1, 1, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị c^o kiến thức chuyên sâu của MS Excel nâng cao. Ngoài ra học phần c^on trang bị cho sinh viên c^o kiến thức tin học ứng d^ong trong kinh tế: c^o hàm to^hn tài chính, c^o hàm to^hn thống kê... ứng d^ong trong việc đ^onh gi^oc^o d^o n, phân tích độ nhạy c^o d^o n, đ^onh gi^oc^o c^ong c^o tài chính, c^ong như c^och thức, phương ph^op t^h chức lưu tr^o d^o liệu, truy v^on th^ong tin và lập b^o c^o theo yêu c^o.

9.35. L^op s^os^och k^oto^hn tr^on Excel

S^oTC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (1,1, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ n^ong v^os^op xếp, phân tích, đ^onh gi^od^o liệu và ki^om so^ot d^o liệu trong kế to^hn, t^h chức cơ sở d^o liệu trên Excel, c^och ph^on n^onh c^o nghiệp v^o kinh tế ph^ot sinh vào cơ sở d^o liệu, thiết kế c^o bi^ou m^ou s^os^och, b^o c^o theo quy định của Bộ Tài chính c^ong như c^och lập hàm Excel cho t^ong loại s^os^och, b^o c^o kế to^hn, c^och chuy^on d^o liệu kế to^hn t^oki này sang ki kế to^hn m^oi. Ngoài ra, học phần c^on cung c^op cho người học n^om v^ong c^o quy t^h ghi ch^op s^os^och, b^o c^o theo quy định của Bộ Tài Chính, c^o nguyên t^h chung khi lập c^ong thức cho bi^ou m^ou s^os^och, b^o c^o c^ong như c^o thủ thuật Excel đ^o người học c^o th^o ứng d^ong lập c^o bi^ou m^ou b^o c^o s^os^och ph^o h^op theo yêu c^o của qu^on l^o doanh nghiệp.

9.36. L^op s^os^och k^oto^hn tr^on Access

S^oTC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (1,1, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ n^ong v^os^op xếp, phân tích, đ^onh gi^od^o liệu và ki^om so^ot d^o liệu trong kế to^hn, t^h chức cơ sở d^o liệu trên Access, c^och ph^on n^onh c^o nghiệp v^o kinh tế ph^ot sinh vào cơ sở d^o liệu, thiết kế c^o bi^ou m^ou s^os^och, b^o c^o theo quy định của Bộ Tài chính c^ong như c^och lập hàm Access cho t^ong loại s^os^och, b^o c^o kế to^hn, c^och chuy^on d^o liệu kế to^hn t^oki này sang ki kế to^hn m^oi trên Access. Ngoài ra, học phần c^on cung c^op cho người học n^om v^ong c^o quy t^h ghi ch^op s^os^och, b^o c^o theo quy định của Bộ Tài Chính, c^o nguyên t^h chung khi lập c^ong thức cho bi^ou m^ou s^os^och, b^o c^o c^ong như c^o thủ thuật Access đ^o người học c^o th^o ứng d^ong lập c^o bi^ou m^ou b^o c^o s^os^och ph^o h^op theo yêu c^o của qu^on l^o doanh nghiệp.

9.37. Kế toán tài chính nâng cao**SĐTC: 03**

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Hệ thống hĩa kiến thức của các học phần kế toán tài chính A1, A2, A3 cũng như trang bị thêm các kiến thức nâng cao trong kế toán tài chính: kế toán đầu tư tài chính, kế toán nghiệp vụ phát hành chứng khoán, trái phiếu, lập báo cáo tài chính hợp nhất,...

9.38. Kế toán quản trị nâng cao**SĐTC: 02**

- Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức nâng cao về kế toán quản trị: định giá trình nhiệm quản lý; định giá bản sản phẩm; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị cấp cao; phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ

9.39. Đầu tư quốc tế**SĐTC: 02**

- Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Giới thiệu cho sinh viên những vấn đề cơ bản về đầu tư quốc tế, môi trường đầu tư quốc tế; hợp tác phát triển chính thức (ODA); đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); đầu tư gián tiếp nước ngoài, chuyển giao công nghệ; các vấn đề và thực trạng đầu tư quốc tế tại Việt Nam.

9.40. Kinh doanh quốc tế**SĐTC: 02**

- Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về kinh doanh quốc tế như: Đại cương về kinh doanh quốc tế; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế; các chiến lược, chính sách và các mặt của hoạt động kinh doanh quốc tế; và những vấn đề nhà quản trị phải đối mặt trong môi trường toàn cầu hĩa. Các kiến thức được cung cấp một cách đầy đủ, khoa học, có hệ thống và cập nhật nhằm đáp ứng được những thay đổi từng ngày của hoạt động kinh doanh quốc tế toàn cầu.

9.41 Tư duy hệ thống**SĐTC:02**

- Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tư duy hệ thống giới thiệu cho sinh viên những kiến thức căn bản về Tư duy quan hệ thống; Tư duy sống, học tập và làm việc hiệu quả hơn; Phương pháp luận tư duy hệ thống; Các phương pháp tư duy và tìm kiếm giải pháp sáng tạo.

9.42 Hình vi tính**SĐTC:02**

- Phân bố thời gian học tập: 2 (2,0,4)

- Điều kiện tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình hành vi tổ chức, các yếu tố tác động đến những hành vi của cá nhân và các nhóm trong một tổ chức, các vấn đề về thông tin liên lạc, lãnh đạo, cấu trúc và văn hóa tổ chức.

9.43 Giao tiếp trong kinh doanh

SĐT:02

- Phân bố thời gian học tập: 2 (2,0,4)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và tâm lý giao tiếp trong kinh doanh hữu ích và hiệu quả về các dạng tâm lý của khách hàng - lãnh đạo - đồng nghiệp và nhân viên thuộc quyền. Sinh viên sẽ được nghiên cứu và lý thuyết các học thuyết liên quan thực hành trong mọi tình huống - trên tinh thần làm việc theo nhóm (Teamwork), thuyết trình trước đám đông - nhóm giúp họ nâng cao tinh thần khi tiến hành một cuộc giao tiếp. Thông qua định hướng rõ ràng và nhu cầu thực hành kỹ thuật - nghệ thuật giao tiếp để chuẩn bị sẵn sàng nhập trong môi trường kinh doanh đầy năng động.

9.44 Tâm lý học kinh doanh

SĐT:02

- Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn Tâm lý học kinh doanh sẽ giúp cho sinh viên các những kiến thức cơ bản để hiểu tâm lý con người đối tượng của quản lý. Môn học giới thiệu toàn bộ đời sống tâm lý của cá nhân bao gồm: các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý về những đặc điểm, quy luật và cơ chế của nó giúp cho sinh viên ứng dụng vào việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản phục vụ cho việc tổ chức sản xuất kinh doanh; quản trị nhân sự; quản trị tài chính; Marketing; đào tạo nhân viên,...

9.45 Văn hóa doanh nghiệp

SĐT:02

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn Văn hóa doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa doanh nghiệp trong doanh nghiệp và tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp. Các lý thuyết và kiến thức thực tế về văn hóa công nghệ như những khía cạnh sâu xa của văn hóa doanh nghiệp. Thông qua sinh viên có thể xây dựng văn hóa doanh nghiệp hiệu quả cho doanh nghiệp trong vai trò là một thành viên hay người tư vấn của doanh nghiệp để

9.46 Quản trị ngoại thương

SĐT:03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3,0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần

Môn Quản trị ngoại thương cung cấp kiến thức nghiệp vụ ngoại thương, giúp người học có được những kỹ thuật cơ bản trong giao dịch, mua bán với nước ngoài. Trang bị một số thủ tục lệ,

qui u^oc trong thương mại quốc tế, gi^op người học n^om đ^uc n^oi dung và qui trình của c^oc phương thức thanh to^on quốc tế... N^oi chung, m^on học gi^op người học c^oth^oqu^on trị qu^otrình th^oc hiện h^op đồng mua b^on ngoại thương hiệu qu^o

9.47 K^oho^och kh^oi nghi^op

S^oTC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(2,0,4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* M^on học này trang bị cho sinh viên nh^ong kiến thức và kỹ n^ong lập kế hoạch khởi nghiệp. Trên cơ b^on là cung c^op nh^ong kiến thức c^on thiết đ^oSV c^oth^ot^ong h^op và thiết lập b^on kế hoạch khởi nghiệp cơ b^on, gi^op khơi g^oi tình th^on h^oi nghiệp trong sinh viên.

9.48. Đ^on m^on h^oc

S^oTC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (0, 2, 4)
 - *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên n^om 3 trở lên
- Tóm tắt nội dung học phần:*Sinh viên đ^ong k^ođ^o n^o và đi th^oc tế đ^oth^oc hiện đ^o n^o, đ^o n^o thuộc v^oc c^o l^on v^oc chuyên ngành như: kế to^on, ki^om to^on, tài chính, thuế,.. Học ph^on gi^op sinh viên hi^ou biết v^on^oi dung 1 đ^o n^o c^ong như bu^oc đ^o làm quen v^oi việc th^oc hiện 1 b^o c^o khoa học.

9.49. Đ^on m^on h^oc

S^oTC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (0, 2, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên n^om 3 trở lên
- *Tóm tắt nội dung học phần:*Sinh viên đ^ong k^otham gia kiến tập tại c^oc c^ong ty. Học ph^on gi^op sinh viên hi^ou biết v^oc cơ c^ou t^ochức hoạt động của 1 doanh nghiệp. M^ot đ^o cơ c^ou t^ochức của 1 doanh nghiệp c^ong như c^oc ph^ong ban trong doanh nghiệp.

9.50. Th^oc t^op t^ot nghi^op

S^oTC: 04

- *Phân bố thời gian học tập:* 4 (0, 4, 8)
- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên n^om thứ 4
- *Tóm tắt nội dung học phần:*Sinh viên đ^ong k^ođ^otài và tham gia th^oc tập tại c^oc c^ong ty dư^oi s^o h^ong d^on của GVHD do Khoa phân c^ong. Học ph^on gi^op sinh viên hi^ou biết v^oc cơ c^ou t^ochức hoạt động của 1 doanh nghiệp; m^ot đ^o cơ c^ou t^ochức của 1 doanh nghiệp c^ong như c^oc ph^ong ban trong doanh nghiệp; biết c^och trình bày 1 b^o c^o th^oc tập tốt nghiệp; th^oc hiện đ^o một b^o c^o th^oc tập tốt nghiệp hoàn chỉnh.

9.51. Kh^oa lu^on t^ot nghi^op

S^oTC: 7

- *Phân bố thời gian học tập:* 7 (0, 7, 14)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*Sinh viên đ^ong k^ođ^otài và hoàn thành đ^o tài theo kế hoạch học v^o của mình dư^oi s^o h^ong d^on của GVHD do Khoa phân c^ong. Kh^oa luận tốt nghiệp là c^oc đ^o tài nghiên cứu ứng d^ong đ^ogi^oi quyết một v^on đ^o kế to^on, tài chính... c^o th^o mang tính th^oc tế liên quan đến ngành học do sinh viên t^o chọn ho^oc theo g^oi ^o của

giáo viên hướng dẫn. Nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề liên quan đến ngành học cụ thể trong thực tế.

10. Các số viết tắt phổ biến và các từ

Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo

10.1. Các xấp xỉ, phương trình nghiệm số các hàm số, định lý bất đẳng thức nghiệm số quan trọng

Sinh viên ngành Kế toán chủ yếu sử dụng phương pháp tính cho các môn học của mình như các phương trình sau đây: A2-101A, A2-101B, A3-101, A-102, A3-103, A3-104, A3-105, A5-102A, A5-102B, A4-101, A4-102

10.2. Thư viện, trang Web

- Thư viện Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM: <http://thuvien.hcmute.edu.vn/>
- Khoa Kinh tế Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM: <http://www.hcmute.edu.vn/>
- Thư viện Đại học Quốc Gia Tp.HCM: www.vnulib.edu.vn
- Thư viện Đại học Kinh Tế Tp.HCM: www.lib.ueh.edu.vn
- Thư viện Đại học Kinh Tế Quốc Dân: www.lic.neu.edu.vn
- Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ Thuật: www.tapchikhgdkt.hcmute.edu.vn
- Tạp chí Phát triển kinh tế: www.tcptkt.ueh.edu.vn
- Tạp chí Khoa học: www.tckh.ou.edu.vn
- Thời báo kinh tế Sài Gòn: www.thesaigontimes.vn
- Thư viện pháp luật: <http://thuvienphapluat.vn/>
- Văn bản pháp luật: <http://www.vanbanphapluat.com/>
- Hội kế toán Việt Nam: www.vaa-hcmc.org.vn/
- Tạp chí kế toán: www.tapchiketoan.com/
- Hội kiểm toán hành nghề Việt Nam: www.vacpa.org.vn/
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: www.sbv.gov.vn/
- Danh mục trang web xem trong bộ đề cương chi tiết.

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo được triển khai theo các quy định, hướng dẫn hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường ĐH SPKT Tp.HCM.

Giờ quy định tính như sau:

- 1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp
- = 30 giờ thí nghiệm hoặc thực hành
- = 45 giờ tự học
- = 45 ÷ 90 giờ thực tập tại cơ sở.
- = 45 ÷ 60 giờ thực hiện đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Số giờ của học phần là bội số của 15.

- **Kho luận tốt nghiệp:** dạng đề tài nghiên cứu ứng dụng đề cập quyết một vấn đề kinh tế có tính mang tính thực tế liên quan đến ngành học.
- **Trình tự triển khai giảng dạy các học phần:** phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mạng kiến thức, các cơ sở đào tạo cần quy định các học phần tiên quyết của học phần kế tiếp trong chương trình đào tạo.
- **Nội dung:** nội dung trong đề cương là nội dung cốt lõi của học phần. Tùy theo từng chuyên ngành có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một học phần nào đó.
- **Số tiết học của học phần:** ngoài thời lượng giảng dạy trên lớp theo kế hoạch giảng dạy cho các học phần, cơ sở đào tạo cần quy định thêm số tiết tự học để sinh viên củng cố kiến thức đã học của học phần.
- **Yêu cầu thực hiện số lượng và hình thức bài tập của các học phần:** do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thiết yếu.
- **Tất cả các học phần đều phải có:** giáo trình hoặc bài giảng, tài liệu tham khảo, bài hướng dẫn, ... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo điều kiện thực tế của trường, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ: giảng viên thuyết trình tại lớp, giảng viên hướng dẫn thảo luận giải quyết vấn đề tại lớp, tại xưởng, tại phòng thí nghiệm, thảo luận và làm việc theo nhóm, ... giảng viên đưa vấn đề khi xem phim video ở phòng chuyên đề và sinh viên vẽ nhà viết thu hoạch.

Hội đồng

Trưởng khoa

PHỤ LỤC CÁC MÔN HỌC LIÊN NGÀNH

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mô hình trình, mô hình quy
1.	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3 (2+1)	
2.	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3	
Tổng			6	